

PHẠM THỊ THỦY CHUNG*

SINH HOẠT TÔN GIÁO VÀ TÍN NGƯỠNG TRUYỀN THỐNG GẮN VỚI GHE NGO CỦA NGƯỜI KHMER Ở SÓC TRĂNG

Tóm tắt: Đời sống tôn giáo, tín ngưỡng của người Khmer ở Việt Nam được biết đến chủ yếu qua những thực hành Phật giáo Nam tông (Theravada). Trên thực tế, cộng đồng Khmer ở Nam Bộ có một đời sống tôn giáo, tín ngưỡng vô cùng phong phú, thể hiện sự kết hợp hài hòa giữa truyền thống Phật giáo Nam tông, Ấn Độ giáo cổ đại¹ và tín ngưỡng dân gian. Sự kết hợp đó đã góp phần tạo nên đặc trưng của văn hóa Khmer ở Việt Nam mà trong đó ghe ngo là một trong những thành tố tiêu biểu. Để góp phần tìm hiểu sự phong phú và đa dạng trong đời sống tôn giáo, tín ngưỡng của người Khmer, bài viết này sẽ cung cấp một số tư liệu mới về sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng gắn với chiếc ghe ngo của người Khmer ở Sóc Trăng và tập trung phân tích, làm rõ hơn những yếu tố cấu thành nên truyền thống văn hóa tôn giáo đặc sắc này.

Từ khóa: Tôn giáo; tín ngưỡng truyền thống; ghe ngo; Khmer; Sóc Trăng.

Mở đầu

Cho đến nay, nguồn sử liệu được biết đến sớm nhất về lịch sử văn hóa và tôn giáo, tín ngưỡng của cộng đồng Khmer nằm rải rác trong các bi ký tiếng Phạn và ghi chép của các viên phái bộ sứ thần Trung Hoa. Với sự xuất hiện của các học giả phương Tây, đặc biệt là với các nghiên cứu khảo cổ, lịch sử văn hóa Khmer đã dần được hệ thống hóa và trở nên rõ nét hơn. Mặc dù còn tồn tại nhiều tranh luận, nhưng có thể nói, nghiên cứu của các học giả nước ngoài là những đóng góp rất

* Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Ngày nhận bài: 07/9/2022; Ngày biên tập: 16/9/2022; Duyệt đăng: 30/9/2022.

quan trọng về mặt tư liệu cũng như cách nhìn nhận đời sống văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng Khmer trong sự liên kết đa phương và có sự ảnh hưởng lẫn nhau trong mối quan hệ với các nền văn hóa ở Đông Nam Á. Ở Việt Nam, các nghiên cứu về văn hóa và sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng của cộng đồng Khmer bắt đầu được quan tâm vào khoảng thập kỷ 60-70 của thế kỷ XX. Trước hết phải kể đến những nghiên cứu của tác giả Lê Hương là những tư liệu giá trị về đời sống của người Khmer từ những giai đoạn đầu cộng đồng này đến định cư ở khu vực Nam Bộ. Tiếp đến là tập hợp các truyền thuyết, truyện cổ Khmer do Huỳnh Ngọc Trảng, Tiền Văn Triệu, Hoàng Túc... sưu tầm; hay các công trình khảo tả các lễ hội, phong tục, tập quán của các tác giả Sơn Phước Hoan, Sô-ry-a. Nghiên cứu về đời sống văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng của người Khmer nở rộ vào đầu thế kỷ XXI với đóng góp của các nhà nghiên cứu có những góc nhìn cụ thể hơn những nghiên cứu đi trước, như: Phan An, Trần Văn Bôn, Trần Thanh Pôn, Phan Anh Tú, Nguyễn Thị Tâm Anh, Nguyễn Hữu Hiếu, Phan Thị Yến Tuyết, Lê Công Lý, Nguyễn Thành Trung và Hà Thị Thùy Dương... Bên cạnh đó cũng có dạng công trình kiểm kê di sản văn hóa rất dày dặn, công phu như *Văn hóa phi vật thể các dân tộc tỉnh Sóc Trăng* do Lâm Nhân và Trần Văn Út đồng chủ biên. Nhìn chung, mặc dù các nghiên cứu về đời sống văn hóa và tôn giáo, tín ngưỡng của người Khmer khá phong phú nhưng những nghiên cứu về ghe ngo (một thành tố văn hóa Khmer đặc sắc), thậm chí chỉ là một vài thông tin nhắc tới ghe ngo, thì lại rất hiếm hoi. Cho đến nay, mới chỉ có tập kỷ yếu hội thảo khoa học *Bảo tồn và phát huy Lễ hội Óoc Om Boc – Đua ghe ngo Sóc Trăng*, do Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam phối hợp với Ủy ban Nhân dân tỉnh Sóc Trăng tổ chức, là một tập hợp đáng chú ý gồm các bài viết nghiên cứu về lễ hội Ook Om Bok và đua ghe ngo. Bên cạnh phần lớn các bài viết tập trung vào lễ hội Ook Om Bok, đã có một vài bài đề cập tới một số khía cạnh văn hóa của sinh hoạt đua ghe ngo.

Có thể nói, nghiên cứu về văn hóa và đời sống tôn giáo, tín ngưỡng của cộng đồng Khmer là lĩnh vực được nhiều nhà khoa học trong nước và trên thế giới quan tâm bởi các đặc trưng văn hóa, tôn giáo, tín

ngưỡng đặc sắc hình thành qua quá trình dịch chuyển, định hình môi trường tự nhiên và văn hóa. Tuy nhiên, nghiên cứu về ghe ngo và các sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng gắn với ghe ngo thì vẫn còn là khoảng trống chưa thực sự được quan tâm. Qua khảo cứu nguồn tài liệu thứ cấp và khảo sát thực địa, tác giả bài viết này nhận thấy, đối với cộng đồng Khmer, ghe ngo là một thành tố văn hóa có vai trò đặc biệt quan trọng và rất cần có sự đầu tư nghiên cứu sâu. Vì vậy, bài viết này sẽ tập trung làm rõ vị trí quan trọng của chiếc ghe ngo trong đời sống tôn giáo, tín ngưỡng của cộng đồng, với vai trò là một biểu tượng linh thiêng bảo vệ sự bình yên, ấm no và hạnh phúc, là hiện thân của sự gắn kết cộng đồng và sức mạnh phum, sóc. Bên cạnh đó, bài viết cũng sẽ tiến hành phân tích, so sánh một số yếu tố Phật giáo, Ấn Độ giáo cổ đại và tín ngưỡng dân gian đan xen, kết nối trong sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng gắn với ghe ngo, tạo nên một truyền thống văn hóa – tôn giáo vô cùng đặc sắc.

1. Khái quát về đời sống tôn giáo, tín ngưỡng của cộng đồng Khmer ở Sóc Trăng

Ở Việt Nam, người Khmer nằm trong số năm tộc người có dân số đông nhất, sau người Kinh (Việt). Địa bàn cư trú tập trung của cộng đồng Khmer là vùng đồng bằng sông Cửu Long thuộc Nam Bộ, có mặt ở hầu khắp các tỉnh, như: Sóc Trăng, Trà Vinh, An Giang, Kiên Giang, Hậu Giang, Bạc Liêu... Theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, toàn quốc có 1.319.652 người Khmer, trong đó, tỉnh Sóc Trăng là địa phương có số người Khmer sinh sống tập trung đông nhất (362.029 người) [Tổng cục Thống kê, 2020: 10-43]. Người Khmer ở Sóc Trăng có đời sống văn hóa đa dạng, phong phú và mang đậm bản sắc văn hóa tộc người. Trong văn hóa của người Khmer ở Sóc Trăng, tôn giáo, tín ngưỡng đóng vai trò vô cùng quan trọng, có tác động tới mọi mặt của đời sống xã hội. Đời sống tôn giáo, tín ngưỡng của cộng đồng Khmer là một phức hợp của Phật giáo Nam tông (Theravada Buddhism), di sản Ấn Độ giáo cổ đại và tín ngưỡng dân gian.

Tín ngưỡng dân gian

Vốn là cư dân nông nghiệp, đời sống của cộng đồng Khmer ở Sóc Trăng gắn bó mật thiết với thiên nhiên. Trong tâm thức dân gian, cũng

như ở nhiều cộng đồng cư dân nông nghiệp khác ở Việt Nam, người Khmer có quan niệm sùng bái các thế lực siêu nhiên, họ tin rằng các thế lực này có sức mạnh thiêng liêng, có thể ban phước lành hoặc giáng họa cho con người. Tín ngưỡng dân gian của người Khmer được hình thành chủ yếu dựa trên đức tin và mối quan hệ giữa con người với môi trường sinh sống, lao động sản xuất, do đó có vai trò quan trọng trong sự hình thành tổ chức xã hội truyền thống và chu kỳ vận động của vòng đời người và chu kỳ mùa vụ. Trong đời sống xã hội và tôn giáo, tín ngưỡng của người Khmer ở Sóc Trăng, các vị *achar* là những người có uy tín cao nhất trong phum, sóc về tri thức và đạo đức², có vai trò quan trọng, chủ đạo trong việc hướng dẫn thực hành, giữ gìn các giá trị văn hóa truyền thống, chăm lo công việc nội bộ của phum, sóc và quan hệ với bên ngoài, đặc biệt là chăm lo các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo như tổ chức các nghi lễ, lễ hội, các công việc liên quan đến chu kỳ đời người như cưới hỏi, tang ma,... [Nguyễn Khắc Cảnh, 2013: 5-14].

Các lễ hội của cộng đồng Khmer là một tổng thể dung hợp, biểu hiện sự giao thoa, hòa trộn giữa các lễ hội dân gian và lễ hội tôn giáo. Trong đó, các lễ hội liên quan đến lễ tiết trong năm và chu kỳ nông nghiệp vẫn nằm trong số những lễ hội quan trọng nhất trong năm, như Tết Chol Chnam Thmay (Lễ hội mừng năm mới, diễn ra vào đầu tháng Chết, tương ứng với khoảng giữa tháng tư dương lịch; đây là khoảng thời gian cuối mùa khô, đầu mùa mưa, khởi đầu của một mùa gieo hạt), lễ hội Ook Om Bok (lễ hội cúng trăng và ăn cốm dẹp; diễn ra trong tháng Kadar, vào dịp rằm tháng mười âm lịch; đây là giai đoạn sắp thu hoạch lúa, cuối mùa mưa). Cũng như trong văn hóa của nhiều tộc người ở Việt Nam, sản xuất nông nghiệp và quy trình trồng lúa từ lâu đã là yếu tố chi phối nhiều khía cạnh trong đời sống, từ tư duy, phương thức lao động cho đến phong tục và tín ngưỡng, tôn giáo. Để thúc đẩy mối quan hệ tương tác giữa con người và thiên nhiên, các lễ hội nông nghiệp được coi là một giao tiếp mang tính biểu tượng quan trọng truyền tải thông điệp của con người tới thế giới siêu nhiên và ngược lại, với khát khao mong muốn một vụ mùa màu mỡ và cuộc sống hạnh phúc, thịnh vượng.

Di sản Ấn Độ giáo cổ đại

Trước khi tiếp nhận Phật giáo Nam tông, người Khmer ở Sóc Trăng chịu ảnh hưởng của các tu sĩ Bà la môn giáo đến từ Ấn Độ. Kể từ thế kỷ XVII, Phật giáo Nam tông phát triển nhanh chóng và trở thành tôn giáo chủ đạo, có tầm ảnh hưởng mạnh mẽ trong đời sống tôn giáo, tín ngưỡng của người Khmer. Tuy nhiên, các quan niệm của Ấn Độ giáo cổ đại và các vị thần không mất đi, mà dần dần chuyển hóa, hòa quyện với tín ngưỡng dân gian, tồn tại trong đời sống của người Khmer cho tới ngày nay. Các achar cũng chính là những người đảm nhận việc chủ trì các nghi lễ thờ cúng các vị thần mang đặc trưng Ấn Độ giáo.

Trong đời sống tôn giáo, tín ngưỡng của người Khmer, có thể quan sát sự hiện diện của Ấn Độ giáo cổ đại một cách rõ nét ở hình tượng các vị thần trong điêu khắc chùa, tháp và trong các điệu múa dân gian. Đó là thần Prum (thần bốn mặt, một hiện thân của thần Bhrama), Krud (một hiện thân của thần Garuda, phương tiện di chuyển của thần Vishnu), Naga (con vật linh gắn với thần Shiva, còn được coi là vị thần Mưa, chuyên bảo vệ nguồn nước và tượng trưng cho sự phồn thực trong văn hóa Khmer), và nhiều hình tượng khác, như: Yeak (chăn), Keno (tiên nữ), Reahu (Ra-hu, La hầu),... Sử thi Ramayana, một trong hai bộ sử thi quan trọng của Ấn Độ giáo (được cho là ra đời từ khoảng thế kỷ III-IV trước Công nguyên), đã sớm được phổ biến ở Đông Nam Á và in dấu trong văn hóa tôn giáo của một số tộc người ở Việt Nam, như: Chăm, Khmer. Người Khmer đã biến đổi bộ sử thi này trở thành tác phẩm Riem-kê mà ngày nay còn được thể hiện khá phổ biến ở các tác phẩm tranh tường hay điêu khắc trong các ngôi chùa Khmer. Đặc biệt, các yếu tố kế thừa của Ấn Độ giáo cổ đại cũng được thể hiện trong nghệ thuật tạo hình và các sinh hoạt nghi lễ gắn với ghe ngo và tục đua ghe ngo mà bài viết sẽ phân tích chi tiết hơn ở những nội dung tiếp theo.

Phật giáo Nam tông Khmer

Từ khoảng thế kỷ XIII, Phật giáo ảnh hưởng mạnh mẽ tới đời sống cộng đồng Khmer và dần dần nắm giữ vai trò là tôn giáo chủ lưu. Ngôi chùa trở thành trung tâm sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng của một

hay vài sóc. Hầu hết, các sóc của người Khmer đều có ít nhất một ngôi chùa, được xây dựng ở vị trí trung tâm, vừa rộng rãi vừa cao ráo với dáng vẻ sừng sững, nguy nga và tráng lệ. Ngôi chùa được coi là bộ mặt của phum, sóc nên được xây dựng rất đẹp, trang trí công phu, một công trình có giá trị đặc sắc về nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc. Bên cạnh vai trò của các vị sư tu hành, những người được người dân đến nghe giảng kinh Phật, xin những lời khuyên khi bắt đầu thực hiện một công việc mới hoặc giải quyết các vấn đề xảy ra trong đời sống hằng ngày. Phật giáo Nam tông gắn bó trong suốt cuộc đời người Khmer, từ các sự kiện quan trọng khi sinh ra, lớn lên, về già, và cho tới khi chết họ lại quay trở về với ngôi chùa.

Ngôi chùa còn là nơi bảo tồn những nét văn hóa truyền thống của cộng đồng Khmer. Những lễ hội lớn trong năm của người Khmer như lễ mừng năm mới Chol Chnăm Thmây, lễ cúng ông bà tổ tiên (Đôlta) và những nghi lễ Phật giáo đều được tổ chức tại chùa. Trong chùa còn có trường học dạy chữ Khmer cho các vị sư sãi và con em người dân Khmer trong sóc để đọc kinh Phật. Nhiều ngôi chùa Khmer còn có thư viện, lưu giữ nhiều sách kinh Phật và các tài liệu về văn hóa truyền thống của người Khmer. Những vị khách quý của phum, sóc sẽ được đón tiếp, chào mừng ngay ở chùa Khmer. Những cuộc hội họp về công việc chung của các thành viên trong sóc cũng thường được tổ chức tại ngôi chùa. Có thể nói, chùa Khmer vừa là trung tâm tôn giáo, vừa là trung tâm văn hóa, giáo dục và xã hội của phum, sóc. Người Khmer đã bỏ nhiều công sức, vật chất để xây dựng ngôi chùa của phum, sóc khang trang và họ tự hào về ngôi chùa của mình.

2. Ghe ngo trong tâm thức tôn giáo, tín ngưỡng của người Khmer

Do địa hình đồng bằng sông Cửu Long có hệ thống sông ngòi chằng chịt với lượng nước khổng lồ được sông Mekong cung cấp, cộng đồng Khmer cũng như các tộc người sinh sống ở khu vực này đã trải qua quá trình thích nghi với môi trường thiên nhiên, đặc biệt là môi trường nước. Người Khmer sử dụng lịch riêng của mình căn cứ vào chu kỳ chuyển động của Mặt trăng. Theo thế giới quan của người Khmer, Mặt trời biểu trưng cho lửa và sự khô hạn, còn Mặt trăng biểu

trung cho nước và sự ẩm ướt. Tương ứng với hai biểu tượng Mặt trăng và Mặt trời, trong văn hóa Khmer còn có quan niệm chim *krud* (garuda) gắn liền với yếu tố khô hạn, đối lập với rắn *neak* (naga) gắn liền với nước và yếu tố ẩm ướt. Trong đời sống tôn giáo, tín ngưỡng, bà con Khmer tôn vinh một số sự vật, hiện tượng thiên nhiên trở thành các vị thần, trong đó có thần Nước (*Preas Công kia*), đem lại hạnh phúc cho con người. Khi bị hạn hán, bà con Khmer thường tổ chức lễ cầu mưa. Và khi kết thúc vụ mùa bội thu, bà con không quên làm lễ tạ ơn. Do thời gian của lễ tạ ơn vào cuối mùa mưa, nên lễ này còn được gọi là lễ đưa nước (*Lôi Preas tip*). Lễ đưa nước bao gồm một loạt nghi thức: lễ cúng trăng (*Thvai Preas khe*), nghi thức đút cơm dẹp (*Ook Om Bok*) và boi ghe ngo. Trong số các lễ hội của một năm, hai lễ hội đánh dấu các giai đoạn quan trọng nhất gắn với một vụ mùa nông nghiệp, đó là lễ hội Chol Chnam Thmay và Ook Om Bok. Đua ghe ngo là một nghi thức đặc biệt trong lễ hội Ook Om Bok và là hoạt động tương tác với nước tiêu biểu nhất của cộng đồng Khmer ở Nam Bộ nói chung và ở Sóc Trăng nói riêng.

Ghe ngo trong tiếng Khmer được gọi là *tuk ngo*. Khởi thủy ghe ngo vốn là chiếc thuyền độc mộc, được làm từ một thân cây lớn, dần dần, do sự biến đổi của các điều kiện tự nhiên và xã hội, ghe ngo ngày nay đa số đều được tạo hình từ các mảnh ghép ván mỏng. Hình dáng chiếc ghe ngo thon dài tựa như con rắn, thoải thoải về hai phía, đầu uốn cong và thấp hơn sau lái một chút. Hai bên be trạm trổ hoặc vẽ vẩy rồng, rắn theo các mẫu trang trí Naga. Hai bên đầu ghe vẽ hình con thú như sư tử, cọp, chim công,... vừa tượng trưng cho vẻ đẹp, đồng thời biểu thị sức mạnh của chiếc ghe. Đặc biệt, đầu ghe luôn có gắn một đôi mắt nổi, hình dáng như mắt rắn thần Naga. Trong khi tất cả các loại ghe, xuồng thông thường đều được sử dụng để phục vụ hoạt động kinh tế và sinh hoạt hằng ngày, thì chiếc ghe ngo của người Khmer lại chỉ được sử dụng một lần trong năm, vào dịp lễ hội Ook Om Bok. Ghe ngo chỉ được sử dụng trong lễ hội đua ghe ngo và gắn với một quy trình nghi lễ long trọng do nhà chùa và người dân cùng tổ chức. Sau lễ hội đua, ghe ngo được đưa lên bờ và bảo quản cẩn thận trong *rông tuk* (nhà, trại ghe), có mái che mưa, nắng. Đây là ứng xử

hoàn toàn khác biệt của người Khmer đối với ghe ngo khi so sánh với các loại ghe thuyền thông thường.

Trong văn hóa của người Khmer Nam Bộ, ghe ngo là một sản phẩm văn hóa mang tính cộng đồng cao, thường gắn với một ngôi chùa là trung tâm sinh hoạt văn hóa tôn giáo, tín ngưỡng của một hay nhiều phum sóc. Với cộng đồng Khmer, chiếc ghe ngo chiếm vị trí vô cùng quan trọng trong đời sống tinh thần, được xem là biểu tượng linh thiêng bảo vệ sự bình yên, là hiện thân của sự gắn kết cộng đồng và sức mạnh phum sóc. Người Khmer đã vận dụng nhiều tri thức phong phú để tạo nên ghe ngo, trong đó, yếu tố tôn giáo, tín ngưỡng chính là phần cốt lõi khiến ghe ngo trở thành một biểu trưng văn hóa đặc sắc của cộng đồng.

2.1. Các truyền thuyết liên quan tới ghe ngo

Sự hình thành chiếc ghe ngo, tục đua ghe ngo và nguồn gốc lễ hội Ook Om Bok được cộng đồng người Khmer ở Sóc Trăng kể lại theo nhiều truyền thuyết. Khi bóc tách những lớp truyền thuyết, tìm hiểu sâu vào những yếu tố văn hóa hết sức đa dạng đan xen trong hình tượng chiếc ghe ngo, có thể tìm thấy những thông tin vô cùng thú vị, mang dấu ấn của quá trình dịch chuyển và giao thoa văn hóa mà người Khmer đã trải qua. Trong đó nổi bật là dấu ấn của Phật giáo, văn hóa Angkor và tín ngưỡng nông nghiệp.

Theo truyền thuyết Phật giáo, sự hình thành lễ hội Ook Om Bok liên quan đến sự tích về tiền kiếp của Đức Phật. Đây cũng là cách giải thích phổ biến nhất, thậm chí một số người coi đây là cách lý giải duy nhất về nguồn gốc chiếc ghe ngo và lễ hội Ook Om Bok. Theo đó, trong các tiền kiếp của Đức Phật Thích Ca, có một kiếp Ngài hóa thành một Bạch thố (thỏ trắng), sống dọc sông Hằng. Bạch thố kết bạn với rái cá, khỉ và chó rừng. Vào một ngày trăng tròn, ngay từ sớm, trong khi ba bạn đều tìm được mồi thì Bạch thố không đi tìm mồi mà chỉ ngồi thiền trước cửa hang, nguyện nhịn đói để giữ thân trong sạch. Khi đó, Ngọc hoàng hóa thân thành kẻ ăn xin xuống trần gian để thử lòng các loài vật. Ông được rái cá, chó rừng và khỉ mời ăn những thứ chúng đã săn bắt được, nhưng ông đều từ chối và nói: “Tôi sẽ dùng sau khi tắm rửa sạch sẽ”. Cuối cùng, ông tìm đến Bạch thố. Bạch thố thưa rằng: “Người hãy đi

nhặt cây khô về đây, nhóm thành đồng lửa, tôi sẽ dâng lên người một món ăn!” Ngọc hoàng gom cây khô chất thành đồng, rồi châm lửa đốt. Khi ngọn lửa cháy lớn, Bạch thố liền nhảy vào tự nướng mình để làm thức ăn cho ông lão. Kỳ lạ thay, một ngọn gió bỗng thổi tắt lửa. Cùng lúc, Ngọc hoàng hiện ra và cất lời khen ngợi nghĩa cử của các con vật. Riêng với Bạch thố, Ngài nói: “Lòng hy sinh cao cả của người cần phải để cho người đời noi gương”. Nói rồi Ngọc hoàng đưa tay vẽ hình Bạch thố lên Mặt trăng. Từ sự tích này, để tỏ lòng tôn kính đối với Đức Phật, người Khmer Nam Bộ có truyền thống tổ chức lễ hội cúng trăng³. Hằng ngày, các vị sư phải rời chùa đi khát thực rất xa và phải trở về trước giờ Ngọ (12 giờ trưa). Đường đi qua rừng rậm, gập ghềnh nên các vị rất khó khăn để trở về kịp giờ. Một hôm, vào dịp cúng trăng, trời lại nổi mưa to, gió lớn gần giờ Ngọ, bà con liền tìm cách hạ cây đồng ghe giúp các vị sư trở về chùa thật nhanh. Đạo Phật luôn khuyến khích Phật tử làm việc thiện, giúp đỡ mọi người. Đặc biệt, ai giúp đỡ nhà sư sẽ thu được nhiều phước hạnh. Do đó, ai cũng muốn đóng ghe và bơi thật nhanh để đưa các sư về chùa. Dần dần, trong các phum sóc hình thành tục đóng và đua ghe⁴.

Theo một truyền thuyết khác mang dấu ấn văn hóa Angkor, ngày xưa có Neang Chanh (Nàng Chanh) là người tài sắc vẹn toàn nên được nhà vua rất yêu quý, tuyển làm tì nữ. Một số quan và tì nữ khác trong triều đem lòng ganh ghét mà vu cho nàng tội khi quân, tự ý ném món ăn trước vua. Biết không thể minh oan, Neang Chanh vội vã xuống thuyền xuôi theo sông Ba Sắc (Tonlé Bassac), khi qua Sóc Trăng là đoạn hạ nguồn sông Hậu để chạy trốn. Nhà vua cho quân lính truy đuổi, kết cục là Neang Chanh phải nhảy xuống sông tự vẫn một cách thương tâm. Từ truyền thuyết đó, để tưởng nhớ Neang Chanh tài hoa, bạc mệnh, hằng năm cư dân Khmer quanh vùng tổ chức đua ghe ngo để tái hiện cảnh Neang Chanh chạy trốn khỏi hoàng cung⁵. Một số nghiên cứu lại cho rằng đua ghe ngo là hình thức tái hiện cuộc thủy chiến giữa hải quân hoàng gia Campuchia với quân Chiêm Thành ở hồ Tonle Sap, dưới triều đại của Jayavarman VII. Nhờ tài binh lược và điều khiển thuyền, quân Khmer đã giành chiến thắng [Charles Higham, 2001: 75]. Hình ảnh về cuộc chiến này được miêu tả bằng bức phù điêu trên tường đá đền Bayon, thuộc quần thể Angkor Thom.

Tuy nhiên, nhiều người Khmer cao tuổi và những nghiên cứu gần đây cho biết, hình thức đua thuyền là một nghi thức trong tín ngưỡng nông nghiệp, có thể xuất hiện từ thời cổ đại. Quan niệm này cũng phù hợp với cách lý giải của tác giả Võ Thị Hoàng Lan khi cho rằng hội đua thuyền là trò diễn gắn với tục cầu nước hoặc tạ nước. Bằng việc khuấy động nước (chèo thuyền), con người đã chuyển thông điệp tới thần nước, mong ngài quan tâm điều hòa lượng nước vừa đủ (không thừa, không thiếu) để vụ mùa nông nghiệp được thuận lợi [Võ Thị Hoàng Lan, 2009: 47-52]. Nhà nghiên cứu Huỳnh Ngọc Trảng cũng cho rằng tục đua ghe ngo có nguồn gốc từ lễ thức đưa nước từ sông ra biển, mang ý nghĩa tống tiễn nước lớn để chuyển sang giai đoạn nắng ráo, đánh dấu sự kết thúc một giai đoạn của chu kỳ sản xuất nông nghiệp [Huỳnh Ngọc Trảng, 2014]. Theo đó, đua ghe ngo là hình thức tái hiện nghi thức rước nước trong lễ hội nông nghiệp, nhằm thể hiện sự tôn vinh thần nước, bày tỏ sự tri ân trời đất đã ban cho người dân một vụ mùa sung túc, đồng thời tạ lỗi với các vị thần về việc con người vì mưu sinh mà đã làm vấy bẩn nguồn nước thiêng liêng.

Mặc dù các yếu tố văn hóa Phật giáo khá nổi trội, nhưng các yếu tố của một nghi lễ nông nghiệp vẫn được thể hiện rõ nét trong lễ hội Ook Om Bok. Nhìn từ góc độ văn hóa nông nghiệp, nghi lễ cúng trăng và tạ ơn các vị thần là biểu hiện của niềm tin, sự biết ơn và kính trọng của người Khmer đối với các đấng thiêng liêng đã hỗ trợ họ có một đời sống ấm no, hạnh phúc. Chiếc ghe ngo khi thực hiện chức năng rước nước ra khơi trong nghi thức tống tiễn thần nước có thể so sánh như chiếc kiệu rước nước của người Kinh (Việt). Cũng như chiếc kiệu, ghe ngo không được sử dụng như một phương tiện chuyên chở phục vụ sinh hoạt hằng ngày, mà chỉ được sử dụng một lần duy nhất trong năm, với sứ mệnh thiêng liêng là phục vụ thần linh. Có thể nói, các truyền thuyết về lễ hội đua ghe ngo rất đa dạng, thể hiện quan niệm của các nền văn hóa khác nhau. Tuy nhiên, thông qua truyền thuyết, có thể khẳng định ghe ngo có một vai trò đặc biệt quan trọng trong đời sống văn hóa của người Khmer. Ghe ngo không phải là một phương tiện vận chuyển thông thường, mà sự hình thành và tồn tại của nó được gắn với những sự kiện và nhân vật đặc biệt, có sứ mệnh đặc

biệt như phục vụ Phật sự, nhân vật hoàng gia, hay phục vụ thần linh trong nghi lễ truyền thống.

2.2. Các vị thần bảo trợ ghe ngo

Vị thần hay linh vật biểu tượng của ghe ngo

Khi xây chùa, người Khmer chọn một vị thần hoặc một linh vật làm biểu tượng của chùa, và khi đóng ghe ngo, đây cũng chính là biểu tượng của chiếc ghe. Biểu tượng của ghe ngo và biểu tượng của ngôi chùa được đồng nhất với nhau. Việc lựa chọn biểu tượng của ngôi chùa và ghe ngo liên quan đến địa danh, hay quan niệm truyền thống của từng chùa. Thông thường, vị thần này có ứng thân là một con vật có sức mạnh, có khả năng bơi, bay hoặc chạy rất nhanh... Khi quan sát những chiếc ghe tham gia hội đua ở Sóc Trăng, chúng tôi tận mắt thấy sự đa dạng và phong phú của các vị thần ghe gắn với mỗi chiếc ghe. Ví dụ, thần ghe của chùa Bốn Mặt là biểu tượng con chim, chùa Champa chọn biểu tượng con cọp, chùa Đay Ta Suối là thần hổ vằn, chùa Long Phú là thần sáu tay, chùa Kỳ Sơn là lá cờ có màu đỏ và vàng, chùa Pong Tók là chùm bông lúa, chùa Som Rong là thần sư tử, chùa Bung Tróp là thần rắn đen, chùa Băng Sa là thần Naga xanh. Một số chùa có biểu tượng giống nhau, như chùa Pô Thi Thlang và chùa Lộ Mới cùng có biểu tượng là thần ngựa trắng; chùa Băng Phniết, Liêu Tú, Trần Đề là biểu tượng vị thần nhảy múa trên lưng một con thú bốn chân; chùa Ompouyear và chùa Tumpoksok có biểu tượng là vị thần mình khi, đuôi cá; v.v... Người Khmer tin rằng, trong quá trình thi đấu, ghe ngo sẽ có khả năng lao đi với tốc độ nhanh và mạnh như con vật được chọn làm biểu tượng.

Neak Ta

Neak Tà là một vị thần được thờ cúng phổ biến trong cộng đồng người Khmer ở Sóc Trăng. Ông được coi là vị thần cai quản đất và nước, bảo trợ cho mùa màng được thuận hòa, tươi tốt, đảm bảo cho người dân được no ấm, hạnh phúc. Vai trò của Neak Tà về mặt nào đó cũng giống như thành hoàng trong tín ngưỡng của người Kinh. Tại nhiều địa phương ở các tỉnh Kiên Giang, Trà Vinh và một số nơi ở tỉnh Sóc Trăng, người Khmer làm lễ dâng cúng và thỉnh mời Neak Tà

trong nghi lễ Hạ thủy ghe ngo. Đây có thể coi là sự tương đồng trong nghi lễ cầu mùa ở các cộng đồng dựa vào văn hóa nông nghiệp. Trong văn hóa Khmer, đôi khi Neak Ta được đồng hóa với Shiva [Nguyễn Thanh Lợi, 2018: 96]. Lễ vật chính dâng cúng Neak Tà gồm có *sla chom* (một khúc thân chuối, trên đó đặt bốn lá trầu, một quả cau gói lá trầu, đèn cầy và ba cây nhang), một đầu heo luộc, một nải chuối, một quả dừa, rượu và muối. Ngoài ra, người ta có thể thêm gà, vịt, bánh trái tùy theo từng chùa. Sau nghi lễ hạ thủy, vị chủ lễ sẽ rắc cốm và rót rượu xuống kênh để mời các vị thần về thưởng thức.

Neang Khmau

Với đa số cộng đồng Khmer ở Sóc Trăng, vị thần được thỉnh mời trong lễ hạ thủy (nghi lễ quan trọng nhất trong chuỗi nghi lễ gắn với ghe ngo) là nữ thần Neang Khmau. Các achar người Khmer ở Sóc Trăng cho biết, đây là vị nữ thần bảo trợ cho sự bình yên và sung túc của toàn không gian xóm ấp và đồng ruộng, mùa màng và cuộc sống sinh hoạt của người dân. Các lễ vật dâng cúng Neang Khmau gồm có: *Sla chom* (một đoạn của thân chuối, trên đó đặt bốn lá trầu, một trái cau gói trong lá trầu, đèn cầy và ba cây nhang), một đầu heo (thủ lợn) luộc chín, một nải chuối, một trái dừa, rượu, muối; ngoài ra có thể thêm gà, vịt, bánh trái tùy theo chùa.

Người Khmer ở Sóc Trăng tin rằng Neang Khmau là vị nữ thần trông coi việc mưa nắng, bảo trợ cho mùa màng tốt tươi và mang lại may mắn cho cộng đồng nói chung, và cho ghe ngo nói riêng. Trong ngôn ngữ Khmer, *Neang* nghĩa là “nàng”, *Khmau* là “đen”. Một số nghiên cứu đề cập tới Neang Khmau như một tái ứng thân của nữ thần Kali, nữ thần quyền lực bậc nhất trong văn hóa Ấn Độ. Trong Hindu giáo, Kali là nữ thần vô cùng đa dạng về diện mạo cũng như ý nghĩa biểu trưng. Nữ thần này thường được mô tả với hình ảnh dữ tợn, nước da đen thẫm, mái tóc rối và chiếc lưỡi đỏ thè dài. Ở mỗi địa phương hoặc mỗi nhánh tôn giáo, Kali lại được tôn vinh với những tên gọi và quyền lực khác nhau: Mẹ Thiên nhiên, Nữ thần chiến tranh và hủy diệt, Nữ thần chiến thắng cái chết và là Người nắm giữ thần lực Shakti của Shiva⁶. Có thể nói, hình tượng nữ thần Kali là một biểu tượng bao hàm đầy đủ các khía cạnh sáng tạo, nuôi dưỡng, bảo vệ và hủy diệt.

Naga

Chiếc ghe ngo được tạo hình mô phỏng theo hình dáng thon dài của thần rắn Naga. Trong sử thi Mahabharata của Ấn Độ, Naga là vị thần có sức mạnh phi thường và được đặc biệt tôn kính. Naga không những là vị thần mưa mà còn là vị thần dẫn dắt tín đồ ngoan đạo lên cõi Niết Bàn. Naga luôn đi kèm với ứng thân của thần Shiva trong văn hóa Ấn Độ, vị thần nắm giữ sức mạnh hủy diệt và khởi đầu của một chu trình tái sinh. Naga đôi khi cũng gắn với hình tượng thần Vishnu, ví dụ như làm chiếc phao nâng đỡ vị thần này trong truyền thuyết về biển sữa. Naga cũng gắn với Đức Phật trong hình tượng chiếc tán che đầu khi Ngài thiền định giữa trời mưa, hay tương tự là tán mũ trùm đầu cho các đấng Cứu tinh Tirthankara trong Jainism.

Đối với người Khmer, Naga có một vị trí vô cùng quan trọng trong đời sống tôn giáo, tín ngưỡng. Trong truyền thuyết về nguồn gốc tộc người, Naga được coi là tổ tiên của người Khmer do tộc người này được sinh ra từ cuộc hôn phối giữa một hoàng tử Ấn Độ và công chúa con vua Naga [Coades, G. E., 2011: 86]. Cuộc hôn nhân này có thể là một motif mang tính biểu tượng về sự hợp nhất của văn hóa Ấn Độ với văn hóa bản địa. Người Khmer tin rằng Naga là vị thần bảo trợ các nguồn nước, tiềm năng cho sự thịnh vượng của mùa màng. Hình ảnh rắn thần Naga rất phổ biến trong các ngôi chùa Khmer, với nhiều kiểu trang trí đẹp mắt và ấn tượng. Có thể nói, từ các nghi lễ cho đến tạo hình ghe ngo, người Khmer đã “thổi hồn” vào một vật thể và hình thành nên tính *thiêng* của nó, khiến chiếc ghe ngo trở thành một vật thiêng. Khi có sự hỗ trợ của thần linh, ghe ngo không còn là một phương tiện di chuyển thông thường, mà sở hữu một sức mạnh siêu nhiên và thiêng liêng, một sức mạnh có ý nghĩa mang lại sự bình yên, ấm no và sung túc cho cộng đồng phum sóc.

2.3. Các vấn đề kiêng kỵ liên quan tới ghe ngo

Để đảm bảo tính thiêng của ghe ngo, người Khmer có một số quy định kiêng kỵ mà mọi thành viên trong cộng đồng đều nghiêm túc tuân thủ: (1) Người phụ nữ không được tự ý bước vào nhà ghe nếu không có nhiệm vụ được sự cả giao. Đặc biệt, trong lễ hạ thủy và lễ khởi hành, tối kỵ phụ nữ chạm vào ghe hay đi qua phía đầu ghe. (2)

Đối với người lạ từ nơi khác đến, nếu không được phép của Tăng trưởng cũng không được bước xuống ghe. (3) Trong thời gian một tuần trước khi đua ghe, các thành viên đội bơi ghe cần thọ trì trai giới, tránh không quan hệ tình dục và uống rượu. (4) Khi ghe ngo khởi hành đến nơi thi đấu, tuyệt đối không được quay đầu ghe trở lại, cho dù vì lý do gì. Người Khmer tin rằng, nếu ghe quay đầu thì lần thi đấu đó sẽ không gặp may mắn. (5) Sau khi thi đấu trở về, ghe ngo được bảo quản trong nhà ghe (*rông tuk*), có mái che chắn trong khuôn viên chùa. Với những chiếc ghe đã cũ, không còn đảm bảo độ chắc khỏe để thi đấu, thì sẽ được để lụi tự nhiên do mưa nắng, chứ không được đốt bỏ.

3. Các nghi lễ truyền thống gắn với ghe ngo

Trong một năm, người Khmer có nhiều lễ hội truyền thống, nhưng lễ hội Ook Om Bok là lễ hội được mong đợi nhất. Được tổ chức vào trung tuần tháng mười âm lịch, lễ hội Ook Om Bok (tiếng Khmer nghĩa là “đút cơm đẹp”), còn gọi là lễ Thvay Preah Khe (nghĩa là “cúng trăng”), là một trong các lễ thức quan trọng bậc nhất của cộng đồng người Khmer ở Sóc Trăng. Ngoài việc cúng trăng, ăn cơm đẹp, lễ hội này còn gắn với tục đua ghe ngo, thả đèn gió và thả đèn nước,... Có thể nói, lễ hội Ook Om Bok là một tập hợp đa thành tố đan xen lẫn nhau, trong đó đua ghe ngo là lễ hội sôi nổi, náo nhiệt, và thu hút nhiều người tham gia nhất ở tỉnh Sóc Trăng cũng như khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Trước đây, tỉnh Sóc Trăng là trung tâm tổ chức lễ hội đua ghe ngo của toàn khu vực. Ngày nay, một số tỉnh ở đồng bằng sông Cửu Long, như: Trà Vinh, Cần Thơ, Kiên Giang,... cũng tổ chức lễ hội này. Tuy nhiên, đua ghe ngo ở Sóc Trăng vẫn mang đậm nét đặc trưng truyền thống, thu hút đông đảo sự quan tâm của người dân trong khu vực và du khách gần xa.

Để sẵn sàng tham gia đua ghe ngo, các chùa tham gia đua đều có sự chuẩn bị từ hàng tháng trước đó. Với những chiếc ghe ngo còn mới thì nhà chùa tiến hành sửa sang, sơn vẽ lại. Với những chiếc ghe ngo đã cũ, xuống cấp, không đảm bảo độ chắc, khỏe để tham gia đua, nhà chùa sẽ cùng họp bàn với cộng đồng để thống nhất việc đóng ghe mới. Trong quá trình đóng ghe và chuẩn bị đua ghe đi thi

đầu, cộng đồng Khmer thực hiện nhiều nghi lễ. Thông qua các nghi lễ và hình tượng các vị thần, có thể nhận thấy đức tin sâu sắc của cộng đồng Khmer đối với sự linh thiêng của đức Phật và các vị thần được họ thỉnh mời về bảo trợ ghe ngo. Đức tin của cộng đồng còn được gửi gắm vào chiếc ghe ngo trong suốt quá trình chiếc ghe hình thành, tồn tại trong cộng đồng, điển hình là trong nghi thức rước nước hay là lễ hội đua ghe ngo.

Trong các nghi lễ liên quan đến ghe ngo của cộng đồng Khmer, các vị sư sãi luôn đảm nhiệm việc thực hiện các nghi thức Phật giáo, tụng các bài kinh Phật, cầu xin Đức Phật hiển linh bảo trợ cho chiếc ghe và toàn bộ đội đua ghe ngo của chùa được mạnh khỏe, bình an và gặp may mắn trong cuộc đua. Tiếp theo các nghi lễ Phật giáo là các nghi lễ cúng thần do các achar đảm nhiệm. Các vị thần được người Khmer thờ phụng có nguồn gốc hoặc có mối quan hệ mật thiết với các vị thần thuộc hệ thống Ấn Độ giáo, tuy nhiên tên gọi và tục thờ đã có sự biến đổi do quá trình dịch chuyển, giao lưu và tiếp biến diễn ra trong thời gian dài. Sự phân chia chức năng tôn giáo trong cộng đồng Khmer biểu hiện sự tôn trọng lẫn nhau và sự dung hòa giữa Phật giáo và các tín ngưỡng dân gian, điều này khiến cho đời sống văn hóa, tín ngưỡng của người Khmer được duy trì một cách phong phú và hài hòa, tạo nên đặc trưng riêng của cộng đồng này. Thông qua các nghi thức Phật giáo và nghi lễ cúng thần, người Khmer tin rằng ghe ngo sẽ nhận được sự bảo trợ của Đức Phật, các thần linh của cộng đồng Khmer và thần ghe ngo của riêng từng ngôi chùa. Khi nhận lời thỉnh mời của các nhà sư và achar, Đức Phật và các vị thần sẽ hiện diện tại chiếc ghe, đồng hành cùng chiếc ghe và đội bơi trong quá trình đua.

3.1. Nghi lễ Cúng trăng trong lễ hội Ook Om Bok

Theo quan niệm của người Khmer, mặt trăng là đại diện cho thần đất và thần nước, là các vị thần chủ bảo trợ cho sản xuất nông nghiệp của cộng đồng. Ook Om Bok là một lễ thức nông nghiệp, gắn với việc canh tác lúa. Thời gian diễn ra lễ hội chính là khoảng thời gian lúa (nếp) đã chắc hạt, sắp đến mùa thu hoạch, cũng vào tiết cuối mùa mưa. Theo chu kỳ vòng đời cây lúa, các cư dân nông nghiệp chuyên canh lúa nước cũng tiến hành một loạt lễ thức tương ứng với các giai

đoạn lao tác và phát triển của cây lúa. Theo truyền thống của người Khmer, vào mỗi vụ mùa trước khi thu hoạch lúa chín, người dân sẽ ra đồng gặt nếp về làm cốm dẹp (*om bok*) để cúng các vị thần: thần Mặt trăng, thần Đất, thần Nước,... nhằm tỏ lòng biết ơn các vị thần đã bảo trợ cho một vụ mùa bội thu và nguyện cầu năm sau sẽ có đất, trời, thời tiết thuận lợi để người dân lại được một mùa thu hoạch sung túc. Cũng trong lễ hội Ook Om Bok, người Khmer thực hiện hoạt động thả đèn nước (thuyền đăng) và đèn gió (lửa lên trời). Đây là thời điểm kết thúc mùa mưa, hay là điểm giao giữa mùa mưa và mùa nắng. Các cuộc thả trôi các loại thuyền đăng, đèn nước trên sông rạch, ao hồ vào ban đêm có ý nghĩa tôn vinh ánh sáng và nước, mang biểu trưng tổng tiễn mùa mưa, nước và bóng tối; nghênh đón thời kỳ tạnh ráo và ánh sáng.

Lễ Cúng trăng trong lễ hội Ook Om Bok có thể được tổ chức theo nhiều quy mô khác nhau: tại ngôi chùa, tại nhóm dân cư, hoặc ngay tại gia đình. Bàn thờ được dựng bằng ba cây tre, mỗi cây dài khoảng ba mét, trong đó hai cây chôn chân dựng làm cột, cây còn lại buộc bắc ngang ở đầu trên của hai cây cột (ba cây cột này tượng trưng cho vũ trụ). Sau đó, bà con Khmer lấy hai tàu lá chuối, cắt bỏ bớt lá chỉ để lại một phần đầu ngọn, sắp xếp thành hình hai con ngựa, rồi đem treo ở hai bên đầu cây ngang, mỗi bên một con (đây là hai con ngựa kéo xe cho thần Mặt trăng). Bảy trái cau được cắt sót vỏ (mỗi bên một chút), làm cánh của bảy con ong bầu, cột thành một dây treo ngay chính giữa (tượng trưng cho bảy ngày theo âm lịch). Lá trà xanh được quấn thành hai dây, mỗi dây có mười hai đốt, đem cột vào hai đầu cây ngang, mỗi bên một dây (tượng trưng cho mười hai tháng hoặc mười hai năm âm lịch). Ba cây đèn cày (nến) loại lớn được cắm lên chính giữa cây ngang. Bên dưới cây ngang kê một cái bàn, trên bày mâm lễ vật gồm nhang đèn và cốm dẹp là lễ vật chính. Ngoài ra còn có các loại hoa, củ quả như chuối, khoai lang, khoai môn, củ dong, dứa, mít, bưởi, cam, quýt,... là sản vật được bà con nuôi trồng để làm lương thực cũng được dâng lên thần Mặt trăng.

Lễ Cúng trăng bao gồm ba nghi thức chính: Nghi thức cúng trăng, nghi thức bái trăng, và nghi thức “đút cốm dẹp”. Để tiến hành nghi

thức cúng trăng, một người lớn tuổi, có uy tín trong cộng đồng, đại diện đứng ra làm chủ lễ, khấn cầu thần Mặt trăng ban cho con người sức khỏe, hạnh phúc, ấm no. Sau khi thực hiện nghi thức cúng trăng, ông chủ lễ bảo mọi người khom lưng, chắp tay sám hối tội lỗi trước thần Mặt trăng. Đây là nghi thức bái trăng, hay còn gọi là nghi thức tạ ơn, sám hối. Sau đó, ông chủ lễ dùng tay nắm cốm dẹp và một số đồ vừa dâng cúng thần, mỗi món một ít. Ông gọi con cháu, những người trẻ tuổi dự lễ há miệng ra để ông “đút” vào miệng cho. Vừa làm việc này, ông chủ lễ vừa hỏi: “*Sau này lớn lên con muốn làm gì, (hoặc) ước gì?*” để người được hỏi nói lên mong ước của mình. Cứ lần lượt như vậy, ông chủ lễ “đút cốm dẹp” cho đến hết các con, cháu, người trẻ dự lễ. Sau đó, ông cho dọn đồ vật, bánh trái xuống chiếu, mời bà con cô bác ngồi xung quanh ngắm trăng, vừa ăn, vừa uống nước, vừa chuyện trò hỏi thăm lẫn nhau...⁷. Sau lễ cúng trăng, bà con Khmer ở Sóc Trăng thường tổ chức thả đèn nước xuống sông (ngày nay người dân không còn thả đèn gió vì lý do an toàn). Trong đêm lễ hội Ook Om Bok, khúc sông Maspero ở trung tâm thành phố Sóc Trăng trở nên lung linh muôn màu bởi các loại đèn được trang trí rực rỡ.

3.2. Nghi lễ xin hạ cây đóng ghe ngo

Trong quá trình đóng ghe ngo, cộng đồng và nghệ nhân đóng ghe ngo phải tuân thủ một quy trình nghiêm ngặt bao gồm nhiều nghi lễ. Cũng như quan niệm của nhiều tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Môn-Khmer, người Khmer thường xuyên duy trì sự tôn trọng đối với thiên nhiên, môi trường sinh sống của mình. Cây sao là loại cây có gỗ phù hợp nhất để làm ghe ngo, nhưng lại chủ yếu sống ở vùng rừng núi xa xôi thuộc Đông Nam Bộ hoặc Nam Tây Nguyên, nên trước đây mỗi lần đi tìm gỗ là cả một chuyến đi gian nan và công phu. Theo lời người già Khmer thì trước khi chặt hạ cây phải làm lễ xin phép thần rừng và các thần cai quản cây. Người Khmer mong rằng, với sự chấp thuận của các vị thần, thì cây gỗ sau khi chặt hạ sẽ mang lại may mắn cho phum, sóc. Sau đó, người ta sẽ dùng sức voi để đưa cây gỗ xuống nước thả trôi về phum, sóc, giữ trong chùa để chuẩn bị đóng ghe. Những người cao tuổi trong cộng đồng ngày nay cũng chỉ được nghe kể về nghi lễ này chứ không trực tiếp tham gia⁸.

3.3. Nghi lễ khởi công đóng ghe ngo

Sư cả và các achar trong chùa chọn ngày tốt để tiến hành lễ khởi công đóng ghe ngo. Ban Quản trị chùa chịu trách nhiệm chuẩn bị đồ lễ, gồm một *sla tho* (quả dừa gọt vỏ), một *bai sây* (khúc thân chuối dùng để cắm nhang và nén), một mâm cỗ, một con gà luộc và hoa quả, bánh trái. Lễ khởi công thường có sự tham gia của các vị sư, achar, Ban Quản trị, toàn thể đội bơi và bà con trong cộng đồng. Khi làm lễ, achar chủ lễ sẽ thắp nhang, khẩn thỉnh các vị thần bảo trợ xóm ấp cho phép khởi công đóng ghe ngo, giúp cho quá trình đóng ghe được suôn sẻ, thuận lợi, chiếc ghe thật chắc, khỏe và gặp nhiều may mắn. Sau đó, mỗi người có mặt trong buổi lễ sẽ đặt một nén nhang lên ban thờ và bày tỏ lời khẩn nguyện của riêng mình dành cho chiếc ghe⁹.

3.4. Nghi lễ hạ thủy ghe ngo

Trước mỗi đợt thi đấu khoảng một, hai tuần, các chùa tổ chức lễ Hạ thủy (còn gọi là lễ cúng đầu ghe hay lễ mặc áo cho ghe). Lễ này có vai trò đặc biệt quan trọng về mặt tôn giáo, tín ngưỡng, thể hiện niềm tin của người Khmer vào quyền năng của các vị thần nắm giữ vận mệnh, quyết định sự thành bại của ghe ngo.

Lễ Hạ thủy ghe ngo ở nhiều ngôi chùa ở Sóc Trăng được tổ chức vào buổi tối. Khi hành lễ, các *sla tho* và hoa trắng được cắm dọc theo ghe. Lễ vật được sửa soạn riêng đặt ở ba phần đầu, giữa và cuối ghe ngo. Ngoài đèn nhang, mâm bánh và trái cây là lễ vật chung, lễ vật cúng ở đầu ghe phải có năm quả trứng gà sống (không luộc), một đầu heo luộc, một con gà luộc. Lễ vật cúng giữa ghe gồm có: *Sla chom* (một đoạn của thân chuối, trên đó đặt bốn lá trầu, một trái cau gói trong lá trầu, đèn cầy và ba cây nhang), một con gà luộc, một nải chuối, hai trái dừa, rượu, muối; ngoài ra có thể thêm bánh trái tùy theo chùa. Đặc biệt, trong lễ vật còn có nửa chén huyết (tiết) gà; trước đây, còn có thêm một đùm tóc rối.¹⁰ Ở cuối ghe, các đồ lễ được sửa soạn gồm một con gà luộc, một nải chuối, một trái dừa tươi, một chai rượu. Phía trước đầu ghe là một mâm cơm, rượu được bày trên một chiếc chiếu trải trên mặt đất. Đến giờ đã định, nhang và đèn cầy được thắp, tiếng chiêng trống và nhạc ngũ âm nổi lên, với sự có mặt của đông đủ các thành viên trong chùa và đội đua ghe. Đại đức tăng trưởng của

chùa hoặc một *achar* là thành viên Ban Quản trị đứng ra làm chủ lễ, khẩn nguyện các vị thần bảo hộ ghe ngo phù hộ, đi theo giúp sức để ghe giành chiến thắng trong cuộc thi.

Sau khi khẩn, chủ lễ lấy dầu dừa thoa lên mũi ghe và chia cho các thành viên đội bơi ghe thoa lên đầu. Các thành viên cùng nhau thề nguyện sẽ một lòng đoàn kết giành thắng lợi. Sau đó, vị chủ lễ sẽ cầm một bình nước thơm đi một vòng trên ghe vẩy nước, với mục đích cầu mong sự bình an và giúp các tay bơi tăng thêm sức mạnh. Đội đua ghe đi vòng quanh ghe cho đến khi tàn nhang. Sau lễ cúng, *sla tho* và đùm tóc rối (nếu có) tượng trưng cho nữ thần Neang Khmau được đặt lên mũi ghe trong suốt cuộc đua. Sáng sớm hôm sau, chiếc ghe ngo sẽ được cả đội bơi hợp sức đẩy xuống con kênh bên cạnh chùa, hoàn tất nghi thức hạ thủy¹¹. Sau lễ hạ thủy, ông chủ lễ sẽ rắc cốm, rót rượu xuống dòng kênh để mời các vị thần cùng thụ hưởng.

3.5. Nghi lễ khởi hành đua ghe ngo

Vào buổi sáng trước ngày đi thi đấu, cũng là ngày lễ Cúng trăng, cộng đồng tổ chức lễ khởi hành để tiễn chiếc ghe ngo và đội bơi lên đường tham dự đua ghe. Buổi lễ có mặt đông đủ các sư sãi, ban quản trị, đội bơi và bà con xóm ấp. Lễ khởi hành được tổ chức tại sala, các lễ vật được đặt trên ban thờ đức Phật, bao gồm các loại hoa quả, bánh trái. Các nhà sư tụng kinh cầu an, cầu phước, thỉnh cầu đức Phật phù hộ cho toàn đội ghe được mạnh khỏe, may mắn. Sau đó, *achar* sẽ thực hiện nghi thức vẩy nước thiêng. Nước thiêng được ủ khói đèn cày và nhang tạo mùi thơm, đựng trong một chiếc bình. *Achar* một tay cầm bình nước, một tay cầm một nhánh lá cây nhúng vào bình và vẩy lên đầu các tay bơi để chúc phúc, cầu may mắn. Trong thời gian thực hành nghi lễ, các thành viên đội bơi ngồi trên sàn sala, phía trước ban thờ, chấp tay thụ lễ.

Kết thúc lễ khởi hành, đội bơi diễu hành trên ghe một vài vòng trước cổng chùa để biểu dương lực lượng và khí thế toàn đội trước sự chứng kiến của toàn thể bà con xóm ấp, sau đó cả đoàn lên đường đến địa điểm đua ghe ở trung tâm thành phố Sóc Trăng.

Kết luận

Đời sống tôn giáo, tín ngưỡng của cộng đồng Khmer ở Sóc Trăng là một phức hợp của Phật giáo Nam tông, di sản Ấn Độ giáo cổ đại và tín ngưỡng dân gian. Mặc dù Phật giáo đóng vai trò quan trọng, có ảnh hưởng sâu sắc tới mọi mặt đời sống xã hội của người Khmer, tuy nhiên, khi đi sâu tìm hiểu đời sống tôn giáo, tín ngưỡng của cộng đồng này, có thể nhận thấy các yếu tố tín ngưỡng dân gian vẫn còn duy trì sức sống rất mạnh mẽ, trong đó có sự kết hợp với những di vết của Ấn Độ giáo.

Đặc biệt, khi nghiên cứu về ghe ngo, vốn là một phương tiện thực hành nghi lễ rước nước trong lễ hội nông nghiệp, tác giả đã tìm thấy nhiều chi tiết thú vị về sự kết hợp hài hòa của các yếu tố Phật giáo, Ấn Độ giáo và tín ngưỡng dân gian, thông qua đức tin của người dân, hình thức thực hành nghi lễ và hình tượng một số vị thần. Mặc dù cũng là một loại ghe thuyền, được dùng làm phương tiện chuyên chở, di chuyển trên địa hình sông nước, nhưng ghe ngo của người Khmer không có chức năng phục vụ sinh hoạt và hoạt động kinh tế, mà lại được trao cho một chức năng đặc biệt, đó là chức năng tôn giáo, tín ngưỡng. Khi thực hiện chức năng đó, ghe ngo giống như chiếc kiệu trong lễ hội của người Việt, được sử dụng làm phương tiện rước nước trong nghi thức tạ ơn thần nước. Bên cạnh đó, ghe ngo còn có một chức năng thứ hai là chiếc thuyền đua, chứa đựng sức mạnh gắn kết của cộng đồng và niềm tin vào một cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Với những chức năng như vậy, ghe ngo có một vai trò vô cùng quan trọng và có ý nghĩa biểu trưng đặc biệt trong đời sống văn hóa của cộng đồng Khmer ở Sóc Trăng./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Trong bài viết này, tác giả sử dụng thuật ngữ “di sản Ấn Độ giáo cổ đại” để chỉ tư tưởng tôn giáo Vệ Đà (*Vedas*) và các tôn giáo phát triển dựa trên ảnh hưởng của bộ kinh này trong thời kỳ cổ đại ở Ấn Độ.
- 2 *Achar* trong tiếng Sanskrit có nghĩa là “hiểu biết”. Xem thêm Nguyễn Thị Thu Hương (2016: 24-33).
- 3 Phỏng vấn Đại đức Lý T. tại chùa Tum Pok Sok, ngày 11 tháng 11 năm 2016. Nhiều công trình nghiên cứu cũng thống nhất coi truyền thuyết về tiền kiếp của Đức Phật là nguồn gốc của lễ hội Ook Om Bok. Ví dụ, *Các lễ hội truyền thống của đồng bào Khmer Nam Bộ* do tác giả Sơn Phước

- Hoan chủ biên và *Địa chí tỉnh Sóc Trăng* (2012). Ngoài ra, còn có một số truyền thuyết có nội dung và diễn tiến tương tự nhưng nhân vật Ngọc hoàng được thay bằng Thần Indra (thuộc hệ thống thần trong Ấn Độ giáo), hay một vị tiên.
- 4 Phỏng vấn Đại đức Lý T. tại chùa Tum Pok Sok, ngày 11 tháng 11 năm 2016.
 - 5 Phỏng vấn achar Châu O., giảng viên Trường Trung cấp Phật giáo tỉnh Sóc Trăng, tại chùa Kh'leang, ngày 12 tháng 11 năm 2016.
 - 6 Xem thêm Phạm Thị Thủy Chung (2013), “Một số nữ thần tiêu biểu trong văn hóa Veda – Từ góc nhìn Shakti”, Tạp chí *Văn hóa học*, số 1.
 - 7 Phỏng vấn achar Châu O. tại chùa Kh'leang, ngày 10 tháng 11 năm 2016.
 - 8 Phỏng vấn Hòa thượng Tăng N. tại chùa Kh'leang, ngày 13 tháng 11 năm 2016.
 - 9 Phỏng vấn Đại đức Lý T. tại chùa Tum Pok Sok, ngày 12 tháng 11 năm 2016
 - 10 Chén huyết gà tươi và đùm tóc rối được các achar giải thích là lễ vật dành riêng cho nữ thần Neang Khmau. Đây cũng là những yếu tố thường gắn với nữ thần Kali trong Ấn Độ giáo.
 - 11 Phỏng vấn Đại đức Lý T. tại chùa Tum Pok Sok, ngày 12 tháng 11 năm 2016; phỏng vấn ông Lý Thành X. ngày 9 tháng 9 năm 2020, tại ấp Tam Sóc C1.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan An (2009), *Dân tộc Khmer Nam Bộ*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Nguyễn Thị Tâm Anh (2015), *Hình tượng Chằn (Yak) trong văn hóa Khmer*, Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
3. Nguyễn Công Bình, Lê Xuân Diệm, Mạc Đường (chủ biên 1990), *Văn hóa và cư dân đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Briggs, L.P., (1951), *The Ancient Khmer Empire* (Đế chế Khmer cổ đại), Philadelphia: The American Philosophical Society.
5. Nguyễn Khắc Cảnh (2013), “Các thiết chế tự quản trong xã hội nông thôn truyền thống của người Khmer”, Tạp chí *Phát triển khoa học và công nghệ*, tập 16, số X3, tr. 5-14.
6. Phạm Thị Thủy Chung (2013), “Một số nữ thần tiêu biểu trong văn hóa Veda Ấn Độ từ góc nhìn *Shakti* (quyền lực nữ)”, trong sách *Văn hóa thờ nữ thần – Mẫu ở Việt Nam và châu Á: Bản sắc và giá trị*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
7. Phạm Thị Thủy Chung, Đinh Hồng Hải (2015), “Biểu tượng rắn thần (Naga) trong văn hóa Ấn Độ và những ảnh hưởng của nó trong văn hóa Việt Nam và Đông Nam Á”, Tạp chí *Bảo tàng & Nhân học*, số 1(9), tr. 59-69.

8. Coedes, G. (1963), *Angkor: An Introduction* (Angkor: Vài nét sơ lược). Translated and edited by E.F. Gardiner. Hong Kong: Oxford University Press.
9. Coedes, G. (2011), *Cổ sử các quốc gia Ấn Độ hóa ở Viễn Đông*, Nguyễn Thừa Hỷ dịch, Nxb Thế Giới, Hà Nội.
10. Huỳnh Tịnh Của (Huỳnh-Tịnh Paulus Của) (2018), *Đại Nam quốc âm tự vị*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
11. Desai, Santosh N. (1980), *Hinduism in Thai Life (Hindu giáo trong đời sống người Thái)*, Popular Prakashan Press, Bombay, India.
12. Eliade, Mircea (2016), *Thiên và phàm: Bản chất của tôn giáo*, Huyền Giang dịch, Nxb Tri thức, Hà Nội.
13. Gaudes, Rudiger (1993), “Kaundinya, Preah Thong, and the Nagi Soma: Some Aspects of a Cambodian Legend” (Kaundinya, Preah Thong và Nagi Soma: Vài khía cạnh của một huyền thoại Capuchia), *Asian Folklore Studies*, Vol. 52, No.2.
14. Higham, Charles (2001), *The Civilization of Angkor* (Nền văn minh Angkor), London: Weidenfeld & Nicolson, ISBN 9781842125847).
15. Sơn Phước Hoan (chủ biên 1997), *Các lễ hội truyền thống của đồng bào Khmer Nam Bộ*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
16. Lê Hương (1974), *Sử liệu Phù Nam*, Nxb Nguyên Nhiều, Sài Gòn.
17. Lê Hương (1969), *Người Việt gốc Miên*, Nxb Sài Gòn, Sài Gòn.
18. Nguyễn Thị Thu Hương (2016), “Kru Achar – Nhân tố quan trọng trong các nghi lễ vòng đời của người Khmer Nam Bộ”, Tạp chí *Khoa học*, Trường Đại học Trà Vinh, số 24, tr. 24-33.
19. Võ Thị Hoàng Lan (2009), “Về một số lễ thức gắn với nước ở lễ hội thuộc châu thổ Bắc Bộ”, Tạp chí *Di sản văn hóa*, số 4 (29), tr. 47-52.
20. Nguyễn Thanh Lợi (2015), *Tín ngưỡng thờ thủy thần ở Nam Bộ*, Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam – Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
21. Nguyễn Thanh Lợi (2018), “Khảo cứu việc thờ Bà Đen ở Tây Ninh”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, Số 09 (177).
22. Lê Công Lý (2010), “Yếu tố nước trong lễ hội Ok Om Bok của đồng bào Khmer đồng bằng sông Cửu Long”, Tạp chí *Khoa học xã hội*, số 4, tr. 79-84.
23. Sơn Nam (1985), *Đồng bằng sông Cửu Long – Nét sinh hoạt xưa*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
24. Nguyễn Xuân Nghĩa (1979), “Tín ngưỡng thờ Arak và Neak Ta”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 3.
25. Lâm Nhân, Trần Văn Út, đồng chủ biên (2015), *Văn hóa phi vật thể các dân tộc tỉnh Sóc Trăng*, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tỉnh Sóc Trăng – Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.

26. Thạc Nhân, (1966), “Tìm hiểu văn hóa và xã hội người Việt gốc Miên”, *Văn hóa Nguyệt san*, bộ mới số 1.
27. Châu Đạt Quan, *Chân Lạp phong thổ ký*, Lê Hương dịch (1973), Kỷ nguyên mới xuất bản, Sài Gòn.
28. Vương Hồng Sển (1999), *Tự vị tiếng nói miền Nam*, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
29. Sô-ry-a (1988), *Lễ hội Khmer Nam Bộ*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
30. Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch - UBND tỉnh Sóc Trăng, Phân viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh - Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam (2009), *Bảo tồn và phát huy Lễ hội Óoc Om Boc – Dua ghe ngo Sóc Trăng*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học.
31. Tỉnh ủy, Ủy ban Nhân dân tỉnh Sóc Trăng (2012), *Địa chí tỉnh Sóc Trăng*, Nxb Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
32. Tổng cục Thống kê (2020), *Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
33. Huỳnh Ngọc Trảng (2014), “Ý nghĩa văn hóa tâm linh của lễ Óoc Ombok”, *Giác ngộ online*, truy cập ngày 22/12/2019 tại: <https://giacngo.vn/vanhua/photgiaio/2014/12/09/1FE258/>.
34. Tiền Văn Triệu (2011), *Tích xưa về người Khmer Sóc Trăng*, Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Sóc Trăng – Nxb Phương Đông, Cà Mau.
35. Huỳnh Hiếu Trung (2017), “Tục đi tu báo hiếu của người Khmer ở Sóc Trăng: Giá trị và biến đổi”, *Tạp chí Phát triển khoa học và công nghệ*, tập 20, số X2-2017, tr. 82-88.
36. Nguyễn Thành Trung, Hà Thị Thùy Dương (2015), “Nghĩ lễ nông nghiệp của người Khơ me vùng Tây Nam Bộ”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, số 2(104), tr. 95-104.
37. Trung tâm Văn hóa học – Lý luận và Ứng dụng (2007), *Tín ngưỡng nữ thần Mariamman: Giá trị di sản Ấn Độ trong giao lưu văn hóa với Việt Nam*, Kỷ yếu hội thảo khoa học, Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
38. Phan Anh Tú (2021), “Biến đổi tín ngưỡng Neak Tà của người Khmer Nam Bộ: Sự trở lại của hình tượng Rishi và Shiva trong đạo Bà la môn”, *Nghiên cứu Ấn Độ và châu Á*, số 10 (107).
39. Viện Văn hóa (1987), *Người Khmer tỉnh Cửu Long*, Sở Văn hóa và Thông tin Cửu Long.
40. Trần Quốc Vượng (2004), “Nam Bộ, các tiểu vùng sinh thái khảo cổ nhân văn và huyền tích khởi nguyên luận”, trong *Tìm hiểu đặc trưng di sản văn hóa văn nghệ dân gian Nam Bộ*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

Abstract

**TRADITIONAL RELIGIOUS ACTIVITIES
CONNECTED WITH THE NGO BOATS OF THE KHMER IN
SOC TRANG**

Pham Thi Thuy Chung

Institute for Religious Studies, VASS

The belief and religious life of the Khmer people in Vietnam are mainly known through the practices of Theravada Buddhism. In fact, the Khmer community in the South has an extremely rich religious and belief life which demonstrates a harmonious combination of Theravada Buddhist traditions, ancient Hinduism, and folk beliefs. It has created the characteristics of Khmer culture in Vietnam, in which Ngo boats are one of the typical elements. In order to understand the richness and diversity in the religious and belief life of the Khmer, this article indicates some new documents on beliefs and religious activities associated with Ngo boats of the Khmer in Soc Trang. It also analyzes the elements constituting this unique cultural and religious tradition.

Keywords: Religion; traditional beliefs; Ngo boats; Khmer; Soc Trang.